

Số: **1163** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **05** tháng 4 năm 2022

V/v chấn chỉnh thực hiện công tác
hoàn thuế

Kính gửi: Các cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Qua công tác kiểm tra thực hiện nghiệp vụ hoàn thuế, xử lý số tiền thuế nộp thừa và quá trình theo dõi việc thực hiện Chương trình ưu đãi thuế theo Điều 7a, Điều 7b Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 và Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021, Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổ chức kiểm tra rà soát các tồn tại nêu tại công văn này, các tồn tại khác (nếu có) và thực hiện một số giải pháp như sau:

I. Về công tác hoàn thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa:

1. Một số tồn tại

1.1. Phân loại hồ sơ hoàn thuế không đúng theo quy định tại Điều 73 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Điều 22 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, khoản 2 Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính (ví dụ: Hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn trước kiểm sau nhưng phân loại thành hồ sơ kiểm trước, hoàn sau...).

1.2. Thời gian xử lý hồ sơ hoàn thuế không đúng quy định tại Điều 75 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (ví dụ: thời gian xử lý hồ sơ thuộc diện hoàn trước quá 06 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan hải quan có thông báo về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế,...).

1.3. Thực hiện hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài hoặc không xuất khẩu vào khu phi thuế quan theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

1.4. Thực hiện hoàn thuế theo thủ tục xử lý tiền thuế nộp thừa đối với người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu nhưng không có hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu ít hơn so với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã nộp thuế, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, khoản 1 Điều 37 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

1.5. Chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế và trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, khoản 4 Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

2. Yêu cầu kiểm tra, chấn chỉnh

2.1. Thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thời hạn hoàn thuế theo đúng quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH13, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

2.2. Đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc diện kiểm tra trước khi hoàn thuế nhưng đã phân loại thuộc diện hoàn trước kiểm tra sau thì phải tổ chức kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đối với tất cả các trường hợp này theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

2.3. Kiểm tra, rà soát các trường hợp hoàn thuế hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện đã hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài hoặc không xuất khẩu sản phẩm vào khu phi thuế quan thì thực hiện thu hồi số tiền thuế đã hoàn theo quy định (công văn số 6830/TCHQ-TXNK ngày 21/11/2018, công văn số 7565/TCHQ-TXNK ngày 25/12/2018 của Tổng cục Hải quan).

2.4. Thực hiện thủ tục hoàn thuế (không thực hiện thủ tục xử lý tiền thuế nộp thừa) đối với trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu nhưng không có hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu ít hơn so với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã nộp thuế theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Trường hợp cơ quan hải quan đã thực hiện hoàn trả tiền thuế cho người nộp thuế theo thủ tục xử lý tiền thuế nộp thừa thì thông báo cho người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC, hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Cơ quan hải quan thực hiện thủ tục tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

2.5. Thực hiện kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn trước theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH13, khoản 4 Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC, Điều 21 Quy trình miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 3994/QĐ-TCHQ ngày 31/12/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

2.6. Phối hợp với cơ quan thuế tại địa phương để thu thập, trao đổi thông tin phục vụ kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

2.7. Kiểm soát chặt chẽ công tác hoàn thuế theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Thông tư số 06/2021/TT-BTC. Lãnh đạo Cục chỉ đạo rà soát, đánh giá rủi ro về công tác hoàn thuế trong toàn đơn vị, kịp thời phát hiện sai sót

để chấn chỉnh và xử lý đối với cán bộ, công chức, lãnh đạo và bộ phận liên quan thực hiện không đúng quy định.

2.8. Báo cáo kết quả thực hiện điểm 2.2, 2.3 và 2.5 về Cục Thuế xuất nhập khẩu trước ngày 30/6/2022.

II. Về thực hiện Chương trình ưu đãi thuế Điều 7a, Điều 7b Nghị định số Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 và Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021:

1. Một số tồn tại

1.1. Về thực hiện thủ tục thông báo doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình Điều 7a, Điều 7b: một số Chi cục chưa thực hiện thông báo doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình Điều 7a, Điều 7b theo hướng dẫn tại 1636/TCHQ-TXNK 27/3/2018 (Điều 7a) và công văn số 4929/TCHQ-TXNK ngày 24/7/2020 (Điều 7a và Điều 7b) để Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan cập nhật trên website của ngành ngay sau khi nhận được hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình của doanh nghiệp.

1.2. Khi làm thủ tục hải quan, một số Chi cục hải quan không kiểm tra việc khai báo tên hàng, mã số hàng hóa có thuộc nhóm 98.49 hay không, số quản lý của nội bộ doanh nghiệp, mặt hàng trong nước đã sản xuất được hay chưa, độ rời rạc của linh kiện,... nhưng vẫn áp dụng mã loại hình A43 và thực hiện thông quan theo khai báo. Cụ thể:

- Một số tờ khai nhập khẩu không khai báo “#&7a” tại chỉ tiêu “Số quản lý nội bộ doanh nghiệp” theo quy định tại khoản 6 Điều 7a Nghị định số 57/2020/NĐ-CP.

- Một số linh kiện, vật tư nhập khẩu không có tên trong nhóm 98.49 nhưng doanh nghiệp vẫn khai báo thuộc nhóm 98.49.

Ví dụ: Thông tin khai báo trên tờ khai hải quan: ốp cửa trước phải dùng để sản xuất lắp ráp xe ô tô du lịch, mã số khai báo 8302.10.00 (mã số HS tương ứng tại nhóm 98.49 là 9849.34.14), trong khi mã số 9849.34.14 có mô tả hàng hóa là “- *Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): - - - - Loại khác, dùng cho xe thuộc nhóm 87.03*”, mã số 97 chương là 8708.29.16.

- Một số linh kiện thuộc loại trong nước đã sản xuất được theo 14/2015/TT-BKHĐT ngày 17/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thông tư số 01/2018/TT-BKHĐT ngày 30/3/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ví dụ như: mặt hàng khai báo “khay đỡ ắc quy, giá đỡ ắc quy, ốp bậc dùng cho xe tải”.

- Nhiều mặt hàng khai báo mô tả hàng hóa trên tờ khai hải quan không đúng quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC và hướng dẫn tại công văn số 1636/TCHQ-TXNK ngày 27/3/2018 của Tổng cục Hải quan như: không khai báo rõ thông số kỹ thuật, thành phần cấu tạo, model, kí/mã hiệu, đặc tính, công dụng,... để làm cơ sở phân loại, áp dụng mã số hàng

hóa và xác định mức độ rời rạc của linh kiện nhưng vẫn áp dụng mã số chi tiết của nhóm 98.49.

Ví dụ: mặt hàng khai báo “thảm trải sàn dùng để lắp ráp xe ô tô”, (không khai báo thành phần, cấu tạo, đặc tính kỹ thuật, chất liệu, công dụng,... để làm cơ sở để xác định rõ bản chất mặt hàng, xác định mã số nhưng vẫn được thông quan theo khai báo và được áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49 và được xử lý số tiền thuế nộp thừa.

1.3. Đối với trường hợp ủy thác nhập khẩu, hồ sơ đề nghị áp dụng thuế suất 0% của nhóm 98.49 chỉ có hợp đồng ủy thác nhập khẩu, công chức hải quan chỉ kiểm tra hợp đồng ủy thác mà không kiểm tra thực tế có thực hiện giao dịch ủy thác này không.

1.4. Một số Chi cục, Cục chưa thực hiện đúng công tác báo cáo số liệu hoàn thuế định kỳ theo công văn số 3782/TCHQ-TXNK ngày 28/6/2018 của Tổng cục Hải quan và báo cáo số lượng xe ô tô/sản phẩm CNHT đã sản xuất, lắp ráp, số tiền thuế đã nộp, đã hoàn thuộc Chương trình ưu đãi thuế theo Điều 7a, Điều 7b theo công văn số 6065/TCHQ-TXNK ngày 15/9/2020 của Tổng cục Hải quan.

2. Yêu cầu kiểm tra, chấn chỉnh

Thực hiện đúng các quy định tại Điều 7a Nghị định số 125/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP và Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021, Điều 7b Nghị định số 57/2020/NĐ-CP theo từng thời điểm hiệu lực của các Nghị định và các công văn chỉ đạo của Tổng cục Hải quan về thực hiện các Chương trình ưu đãi thuế từ thủ tục thông báo doanh nghiệp tham gia chương trình, kiểm tra việc khai báo trên tờ khai hải quan khi làm thủ tục hải quan, kiểm tra hồ sơ đề nghị áp dụng thuế suất 0% đến thủ tục hoàn thuế và báo cáo số liệu hoàn thuế. Lưu ý thực hiện các nội dung sau:

2.1. Thực hiện thủ tục thông báo doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình Điều 7a, Điều 7b theo hướng dẫn tại 1636/TCHQ-TXNK 27/3/2018 (Điều 7a) và công văn số 4929/TCHQ-TXNK ngày 24/7/2020 (Điều 7a và Điều 7b) để Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan cập nhật kịp thời trên website của ngành.

2.2. Thực hiện kiểm tra khai báo mô tả tên hàng theo hướng dẫn tại công văn số 1636/TCHQ-TXNK 27/3/2018 và công văn số 3379/TCHQ-TXNK ngày 15/6/2019 của Tổng cục Hải quan.

2.3. Thực hiện kiểm tra hồ sơ, kiểm tra đối tượng và các điều kiện áp dụng Chương trình ưu đãi thuế theo quy định tại khoản 7 Điều 7a Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, Nghị định số 57/2020/NĐ-CP, Nghị định số 101/2021/NĐ-CP và hướng dẫn tại công văn số 3782/TCHQ-TXNK ngày 28/6/2018 của Tổng cục Hải quan.

2.4. Thực hiện đúng công tác báo cáo số liệu hoàn thuế theo công văn số 3782/TCHQ-TXNK ngày 28/6/2018 và công văn số 6065/TCHQ-TXNK ngày 15/9/2020 của Tổng cục Hải quan.

Tổng cục Hải quan thông báo để các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện./.

Nơi nhận: *zw*

- Như trên;
- TCT, Nguyễn Văn Căn (để báo cáo);
- Vụ Thanh tra Kiểm tra;
- Cục Kiểm tra sau thông quan;
- Cục Quản lý rủi ro;
- Cục Điều tra chống buôn lậu;
- Lưu: VT, TXNK-PL-Đương (3b).

Đương

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Lưu Mạnh Tường